

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học hệ Vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT VINH LONG

Căn cứ Quyết định số 1785/QĐ-LĐTBXH ngày 21/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long;

Căn cứ Quyết định số 80/QĐ-ĐHSPKTVL-ĐTBD ngày 05/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức vừa làm vừa học;

Căn cứ Quyết định số 06/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 22/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và xã hội về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý viên chức trong các đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Kết quả học tập toàn khóa học của sinh viên khóa 39, 40, 41, 42 đủ điều kiện xét tốt nghiệp đợt 1 năm 2019;

Căn cứ Biên bản của Hội đồng xét tốt nghiệp, họp ngày 19/8/2019 về việc công nhận tốt nghiệp hệ Vừa làm vừa học đợt 1 năm 2019,

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận **174** sinh viên tốt nghiệp **ĐẠI HỌC** hệ Vừa làm vừa học (có danh sách kèm theo).

TT	Ngành	Tổng số SV	Kết quả tốt nghiệp			
			Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình
1	Công tác xã hội	37	4	21	12	0
2	Công nghệ thông tin	6	0	0	5	1
3	Công nghệ thực phẩm	52	2	20	29	1
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	55	01	07	46	1
5	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	5	0	1	3	1
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	19	0	0	19	0
TỔNG CỘNG		174	7	49	114	4

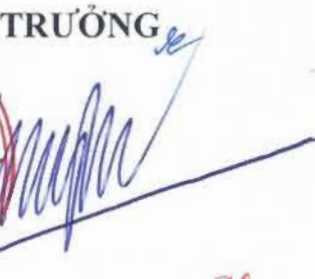
Điều 2. Mọi chế độ, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên được cắt khỏi Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh Long kể từ ngày ký quyết định.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Phòng, Khoa, Trung tâm, Đơn vị liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: P.ĐT.

HIỆU TRƯỞNG


PGS.TS. Lao Hùng Phi

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ VỮA LÀM VỮA HỌC

(Kèm theo quyết định số: 90/QĐ-DHSPKTVL-ĐT ngày 28 tháng 8 năm 2019)

TT	Mã số SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
1	17311001	Trần Thị Mỹ An	Nữ	24/3/1989	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
2	17311004	Võ Thị Mỹ Dung	Nữ	18/02/1991	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
3	17311006	Nguyễn Thị Bé Hai	Nữ	17/10/1977	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
4	17311007	Trần Minh Hải	Nam	20/5/1980	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
5	17311008	Trần Văn Hút	Nam	01/01/1987	Sóc Trăng	Khmer	Công tác xã hội	Giỏi	
6	17311009	Mai Hoàng Huỳnh	Nam	01/01/1990	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
7	17311010	Nguyễn Văn Khỏe	Nam	03/4/1992	Cà Mau	Kinh	Công tác xã hội	Xuất sắc	
8	17311012	Võ Thị Yến Ngọc	Nữ	17/5/1991	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Xuất sắc	
9	17311013	Lưu Thảo Nguyên	Nữ	16/12/1994	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
10	17311014	Nguyễn Trọng Nguyễn	Nam	20/11/1988	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
11	17311016	Ngô Thị Nhân	Nữ	08/11/1993	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
12	17311017	Quách Kim Ni	Nữ	09/6/1994	Sóc Trăng	Hoa	Công tác xã hội	Giỏi	
13	17311018	Lư Vĩnh Phúc	Nam	23/9/1974	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
14	17311019	Trần Bạch Phương	Nữ	07/3/1981	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
15	17311021	Lâm Minh Tâm	Nam	28/3/1991	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
16	17311022	Nguyễn Minh Tâm	Nam	25/7/1985	Vĩnh Long	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
17	17311024	Nguyễn Dương Phương Thảo	Nữ	29/01/1994	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
18	17311025	Đặng Thanh Thùy	Nữ	02/10/1981	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
19	17311026	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	12/02/1984	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
20	17311027	Trịnh Trí Tín	Nam	15/4/1994	Sóc Trăng	Hoa	Công tác xã hội	Khá	
21	17311028	Lê Thị Kim Tuyền	Nữ	03/12/1990	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
22	17311029	Đặng Văn Vũ	Nam	01/01/1982	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
23	17311030	Quách Thị Mỹ Xuân	Nữ	06/6/1993	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
24	17311031	Nguyễn Hoàng Anh	Nam	09/4/1986	Bạc Liêu	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
25	17311032	Lý Thanh Bình	Nam	21/9/1990	Sóc Trăng	Khmer	Công tác xã hội	Khá	
26	17311036	Lý Thị Anh Đào	Nữ	19/4/1989	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
27	17311037	Quách Mộc Hoàng	Nam	19/9/1979	Sóc Trăng	Hoa	Công tác xã hội	Khá	
28	17311040	Võ Thanh Khương	Nam	01/01/1983	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	



TT	Mã số SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
29	17311041	Trương Thị Chúc Linh	Nữ	19/10/1984	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
30	17311042	Trần Kim Loan	Nữ	26/6/1975	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
31	17311043	Võ Văn Lộc	Nam	09/9/1989	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Xuất sắc	
32	17311045	Giang Quốc Mẫn	Nam	24/02/1985	Sóc Trăng	Khmer	Công tác xã hội	Khá	
33	17311047	Nguyễn Phương Ninh	Nam	31/12/1984	Hậu Giang	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
34	17311052	Huỳnh Quân	Nam	02/6/1990	Cần Thơ	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
35	17311055	Nguyễn Trung Tín	Nam	20/3/1993	Cần Thơ	Kinh	Công tác xã hội	Giỏi	
36	17311058	Đặng Hồng Việt	Nam	26/01/1981	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Khá	
37	17311061	Trần Thủy An	Nữ	23/3/1987	Sóc Trăng	Kinh	Công tác xã hội	Xuất sắc	
38	17304029	Nguyễn Hữu Tiến	Nam	19/01/1995	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	
39	17304035	Nguyễn Thị Hồng Xuyên	Nữ	14/5/1987	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	
40	17304031	Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Nữ	06/8/1985	Tiền Giang	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	
41	17304032	Nguyễn Trần Dạ Thảo	Nữ	01/11/1995	Bến Tre	Kinh	Công nghệ thông tin	Trung bình	
42	17304033	Mai Ngọc Thu	Nữ	08/3/1985	Tiền Giang	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	
43	17304023	Nguyễn Tấn Phong	Nam	28/02/1994	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ thông tin	Khá	
44	16305047	Nguyễn Thị Tuyền	Nữ	27/4/1985	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
45	16305040	Phạm Văn Trường	Nam	18/5/1991	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
46	16305025	Nguyễn Thị Phương	Nữ	19/7/1994	Bắc Ninh	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
47	16305018	Nguyễn Văn Long	Nam	21/6/1992	Son La	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
48	16305008	Bùi Việt Hải	Nam	05/6/1994	Quảng Ninh	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
49	16305032	Nguyễn Văn Thành	Nam	07/10/1982	Hưng Yên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
50	16305030	Hoàng Anh Thái	Nam	06/8/1989	Hòa Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
51	16305029	Trần Văn Tài	Nam	02/02/1989	Nghệ An	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
52	16305010	Đặng Thị Huệ	Nữ	16/5/1988	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Xuất sắc	
53	16305046	Vi Thanh Tùng	Nam	29/11/1989	Thái Nguyên	Tây	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
54	16305048	Bùi Thị Vân	Nữ	25/9/1984	Nam Định	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
55	16305031	Bùi Huy Thanh	Nam	12/12/1987	Thái Nguyên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
56	16305045	Lã Minh Tuấn	Nam	15/4/1987	Thái Nguyên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
57	16305020	Lê Thị Ngọc Mai	Nữ	09/5/1991	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
58	16305024	Trần Thế Phong	Nam	10/01/1976	Hòa Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
59	16305022	Hồ Xuân Mạnh	Nam	11/11/1976	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Xuất sắc	
60	16305035	Trịnh Thị Thủy	Nữ	05/02/1979	Bắc Giang	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	

TT	Mã số SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
61	16305034	Đỗ Ngọc Thọ	Nam	20/9/1973	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
62	16305039	Trần Quang Trọng	Nam	07/5/1989	Thái Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
63	16305009	Phan Huy Hoàng	Nam	01/6/1990	Thái Nguyên	Nùng	Công nghệ thực phẩm	Khá	
64	16305043	Lê Hữu Anh Tuấn	Nam	04/10/1998	Kon Tum	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
65	16305017	Nghiêm Diệu Linh	Nữ	16/10/1992	Thái Nguyên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
66	16305004	Trần Minh Dũng	Nam	17/12/1997	Son La	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
67	16305002	Nguyễn Văn Cường	Nam	06/10/1997	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
68	16305001	Phạm Tuấn Anh	Nam	14/6/1996	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
69	16305006	Hoàng Đức Dương	Nam	25/6/1998	Thái Nguyên	Nùng	Công nghệ thực phẩm	Khá	
70	16305023	Diêm Công Phan	Nam	08/02/1986	Bắc Giang	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
71	16305041	Vũ Tuấn Tú	Nam	25/8/1989	Bắc Kạn	Tày	Công nghệ thực phẩm	Khá	
72	16305037	Vũ Đức Tiến	Nam	15/11/1990	Thái Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Trung bình	
73	16305050	Trần Văn Vinh	Nam	01/12/1988	Thái Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm		
74	16305007	Nguyễn Văn Hà	Nam	03/4/1974	Hà Nội	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
75	16305015	Nguyễn Đỗ Lâm	Nam	17/10/1991	Thái Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
76	16305036	Trần Minh Thuyết	Nam	10/01/1982	Nghệ An	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
77	16305028	Đặng Thị Thúy Sang	Nữ	20/5/1995	Hà Tĩnh	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
78	16305019	Nguyễn Văn Luân	Nam	15/8/1988	Son La	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
79	16305016	Trần Phương Linh	Nữ	13/10/1995	Son La	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
80	16305013	Dương Đức Lâm	Nam	13/8/1988	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
81	16305003	Phạm Hoài Đức	Nam	14/02/1988	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
82	16305005	Vũ Văn Dũng	Nam	17/3/1993	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
83	16305042	Ngô Gia Tú	Nam	25/7/1987	Hung Yên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
84	17305002	Đỗ Minh Duy	Nam	26/7/1992	Hải Phòng	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
85	17305003	Nguyễn Đức Giang	Nam	21/01/1983	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
86	17305006	Trần Thị Hương	Nữ	20/6/1987	Hung Yên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
87	17305007	Trần Nhật Linh	Nam	15/9/1988	Hải Phòng	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
88	17305009	Trần Thị Nguyệt	Nữ	14/01/1979	Nghệ An	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
89	17305010	Lương Thị Hồng Nhung	Nữ	25/3/1991	Thái Nguyên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
90	17305012	Bùi Đăng Tăng	Nam	16/3/1981	Hung Yên	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
91	17305013	Phạm Thị Tiên	Nữ	24/02/1986	Hải Dương	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
92	17305015	Nguyễn Văn Truân	Nam	31/01/1977	Hà Tây	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	

TT	Mã số SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
93	17305016	Phan Hồng Ánh	Nữ	01/8/1999	Thái Nguyên	Nùng	Công nghệ thực phẩm	Khá	
94	17305017	Nguyễn Thị Hồng Ly	Nữ	20/02/1985	Nghệ An	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Khá	
95	17305018	Trần Thị Thảo	Nữ	27/11/1975	Thái Bình	Kinh	Công nghệ thực phẩm	Giỏi	
96	15303313	Lý Chiêu Bình	Nam	22/3/1989	Hậu Giang	Khmer	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
97	15303367	Bùi Hữu Nghĩa	Nam	10/4/1990	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
98	15303407	Nguyễn Văn Trí	Nam	1982	Sóc Trăng	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
99	15303424	Nguyễn Trần Châu Vũ	Nam	30/8/1975	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
100	15303410	Huỳnh Việt Trung	Nam	20/11/1988	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
101	15303372	Trần Thanh Phong	Nam	20/10/1984	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
102	15303345	Trần Minh Hiếu	Nam	28/10/1981	Cần Thơ	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
103	15303329	Nguyễn Trí Dũng	Nam	25/7/1980	Sóc Trăng	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
104	15303417	Giang Thanh Tuấn	Nam	07/02/1980	Sóc Trăng	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
105	15303376	Võ Văn Phúc	Nam	1985	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
106	15303398	Lê Thảo	Nam	20/9/1988	Cần Thơ	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
107	15303317	Đặng Thành Công	Nam	1993	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
108	15303332	Lâm Lê Phúc Duy	Nam	10/10/1990	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
109	15303370	Lương Thanh Nhựt	Nam	13/8/1976	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
110	15303337	Nguyễn Việt Hà	Nam	19/02/1980	Thanh Hóa	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
111	15303386	Nguyễn Thanh Quới	Nam	20/8/1977	Cần Thơ	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
112	15303321	Nguyễn Tấn Đạt	Nam	09/01/1989	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
113	15303379	Hồ Thị Phương	Nữ	16/10/1990	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
114	16303126	Trần Văn Hò	Nam	09/10/1979	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
115	16303129	Trần Bá Kim Tư	Nam	01/01/1981	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
116	15303387	Lê Văn Sang	Nam	1976	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
117	15303351	Đinh Văn Hùng	Nam	1980	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
118	15303314	Châu Văn Chiến	Nam	1982	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
119	15303362	Trần Bảo Lợi	Nam	26/3/1983	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
120	15303401	Nguyễn Trường Thọ	Nam	14/11/1979	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
121	15303341	Võ Ngọc Hải	Nam	28/02/1985	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
122	15303335	Nguyễn Minh Giàu	Nam	23/10/1989	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
123	15303418	Nguyễn Bá Tùng	Nam	11/12/1983	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
124	15303384	Trần Phú Quí	Nam	15/4/1984	Đồng Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	

TT	Mã số SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
125	15303326	Phan Bảo Doanh	Nam	09/01/1983	Đông Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
126	15303385	Nguyễn Cường Quốc	Nam	06/6/1978	Bến Tre	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
127	15303394	Trần Đức Thắng	Nam	14/02/1979	Đông Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
128	15303419	Trần Thị Hồng Vân	Nữ	19/02/1985	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
129	15303413	Võ Vũ Tuấn	Nam	14/3/1996	Đông Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
130	16303103	Nguyễn Phú Nguyễn	Nam	01/01/1980	Đông Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
131	16303092	Võ Minh Hùng Hậu	Nam	08/9/1990	An Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
132	17303009	Tổng Lê Thu	Nam	10/12/1986	Bến Tre	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Giỏi	
133	17303075	Đỗ Thanh Tâm	Nam	17/02/1975	Đông Tháp	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
134	17303085	Nguyễn Tấn Triều	Nam	02/01/1994	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
135	17303069	Huỳnh Thanh Nhã	Nam	16/12/1990	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
136	17303068	Phan Trọng Nghĩa	Nam	08/9/1995	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
137	17303058	Lê Hoàng Huân	Nam	06/8/1987	Bến Tre	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Trung bình	
138	17303076	Trần Thiện Tân	Nam	30/01/1995	Tiền Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Xuất sắc	
139	17303087	Bùi Đức Trọng	Nam	18/3/1995	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
140	17303088	Nguyễn Dương Minh Trung	Nam	12/02/1994	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
141	17303052	Quách Mạnh Cường	Nam	14/8/1995	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
142	17303083	Đặng Công Kinh Thi	Nam	16/9/1979	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
143	17303067	Dương Hiếu Nghĩa	Nam	28/12/1981	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
144	15303287	Đỗ Thành Phương	Nam	20/9/1978	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
145	15303297	Phạm Thành Tiếp	Nam	20/4/1978	Bến Tre	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
146	15303308	Dương Văn Vù	Nam	12/7/1984	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
147	15303281	Đỗ Thành Nhân	Nam	20/5/1980	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
148	15303294	Lưu Huỳnh Minh Tấn	Nam	20/7/1978	Tiền Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
149	14703004	Đặng A Bảo	Nam	22/12/1993	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Khá	
150	16303044	Vân Kim Tông	Nam	29/7/1984	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Trung bình	
151	17308015	Lê Thanh Thông	Nam	28/3/1983	Hậu Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Khá	
152	17308017	Võ Thị Quế Vân	Nữ	01/01/1993	Tiền Giang	Kinh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Giỏi	
153	17308011	Châu Vĩnh Tiến	Nam	27/01/1994	Trà Vinh	Kinh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Khá	
154	17308002	Hồ Nhữ Huy	Nam	12/9/1995	Vĩnh Long	Hoa	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Khá	
155	17308009	Huỳnh Đăng Phước	Nam	27/02/1995	Vĩnh Long	Kinh	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Khá	
156	16301035	Lê Trung Tuấn	Nam	13/02/1987	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	



TT	Mã số SV	Họ và tên	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Ngành đào tạo	Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
157	16301029	Võ Nguyễn Toàn	Nam	05/5/1993	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
158	16301017	Huỳnh Tấn Nhật	Nam	05/11/1983	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
159	16301001	Trần Hoa Văn An	Nam	01/01/1993	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
160	16301006	Nguyễn Thành Đô	Nam	25/02/1991	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
161	16301005	Võ Hoàng Công	Nam	01/6/1986	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
162	16301033	Đỗ Thanh Tú	Nam	04/4/1987	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
163	16301009	Nguyễn Thế Dương	Nam	25/7/1993	Đắk Lắk	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
164	16301027	Trần Thanh Thảo	Nam	26/01/1985	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
165	16301026	Nguyễn Chí Thanh	Nam	12/02/1994	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
166	16301023	Lê Văn San	Nam	01/01/1994	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
167	16301020	Huỳnh Thanh Quí	Nam	27/9/1993	Quảng Ngãi	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
168	16301034	Nguyễn Đình Tú	Nam	13/6/1993	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
169	16301008	Nguyễn Quang Dự	Nam	26/11/1993	Đồng Nai	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
170	16301019	Võ Văn Quang	Nam	29/5/1994	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
171	16301037	Võ Đức Vinh	Nam	03/11/1985	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
172	16301025	Ngô Hữu Thạch	Nam	06/10/1994	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
173	16301010	Nguyễn Bến Hải	Nam	24/02/1992	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	
174	16301036	Dương Anh Tuấn	Nam	02/01/1992	Quảng Nam	Kinh	Công nghệ kỹ thuật ô tô	Khá	

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đào Hoàng Phi

